

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-3-2022.
V/v: “*Kiện xin ly hôn,
tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Sơn.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Lê Thị Tuyết Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2021/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp: “*Kiện xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐ-TA ngày 08/03/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

* *Bị đơn:* Anh Đỗ Trọng T, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố B, phường H, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; nơi ở: Tổ dân phố T, phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Trọng T vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H đều khai, trình bày: Chị và anh Đỗ Trọng T lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 29/4/2015 tại UBND phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn chị và anh T có thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng 06 tháng và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến phát sinh mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên khác nhau nên không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Mặt khác do tính chất công việc của mỗi bên, vợ chồng không có sự thấu hiểu,

thông cảm, chia sẻ lẫn nhau nên dẫn đến các bên hay xảy ra xô sát, cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trở nên trầm trọng nên chị và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2020 đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hóa giải, hàn gắn để tiếp tục chung sống, vợ chồng không còn sự quan tâm nào đến nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Trọng T.

* Trong bản tự khai ngày 28/01/2022, bị đơn anh Đỗ Trọng T trình bày, xác nhận về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn giữa anh với chị Nguyễn Thị H như chị H đã khai tại Tòa án là đúng. Về yêu cầu xin ly hôn của chị H, anh có quan điểm xác định sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do các bên bất đồng về kinh tế, ngoài ra còn do điều kiện công việc của anh là lái xe đường dài nên ít có thời gian về nhà, và cũng ít có điều kiện quan tâm đến gia đình vợ con. Anh cũng xác nhận trong cuộc sống chung có vài lần do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh đã không kiềm chế được bản thân, có chửi mắng chị H mấy câu nhưng xong là thôi, vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải, phân tích để chung sống hòa thuận hơn nhưng không đạt được kết quả, mâu thuẫn vẫn tồn tại, thực tế anh và chị H đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái khôn lớn.

* Về con chung: Các đương sự thống nhất, xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Đỗ Ngọc L (con gái), sinh ngày 27/11/2015, hiện cháu L do chị H đang quản lý, nuôi dưỡng. Trường hợp các bên ly hôn, cả chị H và anh T đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung, không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H hiện tại không có thai nghén gì.

* Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của UBND phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam: Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T và giải quyết vấn đề con chung của anh chị theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật khi Tòa án triệu tập nhiều lần hợp lệ để tham gia giải quyết, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xem xét ý kiến, nguyện vọng và đánh giá tình trạng hôn nhân của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H:

- Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Trọng T.
- Về con chung: Giao cháu Đỗ Ngọc L cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Đỗ Trọng T có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố B, phường H, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam và có nơi cư trú tại tổ dân phố T, phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án: “*Kiến xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Trọng T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa mở lần thứ hai, chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Trọng T vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Trọng T trên cơ sở các bên tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 29/4/2015 tại UBND phường H, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam do đó hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau kết hôn, chị H với anh T đã có một thời gian chung sống hạnh phúc và có một con chung, sau đó vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn tuy các bên đưa ra không giống nhau nhưng anh chị đều thừa nhận mặc dù đã được hai bên gia đình, chính quyền đoàn thể nơi cư trú động viên, phân tích để anh chị chung sống hòa thuận hơn nhưng không đạt được kết quả, vợ chồng không tự giải quyết được mâu thuẫn mà để ngày càng trở nên trầm trọng, hậu quả là các bên đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Khi khởi kiện xin ly hôn, chị H đã xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hóa giải, không thể hàn gắn, đoàn tụ để tiếp tục chung sống. Hội đồng xét xử xét thấy tới thời điểm chị H xin ly hôn mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, các bên không còn tình cảm và sự quan tâm, chăm sóc đến nhau do đó mục đích của cuộc hôn nhân đã không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục và kéo dài nên cần xem xét, chấp nhận giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy anh chị có một con chung là cháu Đỗ Ngọc L (con gái), sinh ngày 27/11/2015 (còn nhỏ, dưới 07 tuổi). Kể từ

khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu L được chị H trực tiếp quản lý, nuôi dưỡng. Nay giải quyết cho anh chị ly hôn, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu L như cuộc sống của cháu ổn định, không bị xáo trộn và phù hợp với điều kiện về tâm, sinh lý của cháu thấy cần thiết giao cháu L cho chị H tiếp tục quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành tự lập được hoặc đến khi có sự thay đổi khác, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp điều kiện thực tế của các bên và quy định của pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con nuôi, con riêng: Các đương sự thống nhất xác định các bên không có con riêng, con nuôi và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Hiện tại chị H không có thai nghén gì.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227, 228, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Trọng T.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Ngọc L (con gái), sinh ngày 27/11/2015 là con chung của vợ chồng cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp quản lý, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Trọng T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về con riêng, con nuôi, tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Trọng T không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0000259 ngày 28/10/2021 của

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường H, Tp. Phủ Lý;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thanh Sơn